

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự Do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN KIỂM TRA
BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2018

Đơn vị: Công ty Cổ phần Cấp nước Điện Biên

- Căn cứ Luật số 69/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014 Về Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp;
 - Căn cứ Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn tài sản tại doanh nghiệp;
 - Căn cứ Thông tư số 219/2015/TT- BTC ngày 31/12/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện một số điều Nghị định số 91/2015/TT-BTC ngày 13/10/2015 của Thủ tướng Chính Phủ;
 - Căn cứ Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp;
 - Thực hiện Thông báo 546 ngày 23 tháng 4 năm 2019 về việc kiểm tra báo cáo tài chính của Công ty CP Cấp nước Điện Biên.
 - Căn cứ báo cáo tài chính năm 2018 của đơn vị lập và gửi sở Tài chính.
- Hôm nay ngày 10 tháng 10 năm 2019 tại Công ty CP Cấp nước Điện Biên chúng tôi đã cùng nhau thống nhất nội dung kiểm tra báo cáo tài chính.

A. THÀNH PHẦN:

*** Đại Diện Sở Tài chính:**

- | | |
|-------------------------|---------------------------|
| 1. Bà: Nguyễn Thị Gấm | - Trưởng Phòng TCDN |
| 2. Bà: Hà Thị Hồng | - Chuyên viên phòng TCDN |
| 3. Bà: Đỗ Thị Ánh Tuyết | - Chuyên viên phòng TCDN. |
| 4. Bà: Đinh Thị Xuân | - Chuyên viên phòng TCDN |

*** Đại diện Công ty CP cấp nước Điện Biên:**

- | | |
|-------------------------|------------------|
| 1. Ông: Nguyễn Lệ Quế | - Chủ tịch HĐQT |
| 2. Ông: Nguyễn Hữu Hùng | - Kế toán trưởng |

B. NỘI DUNG:

*** Đặc điểm tình hình chung:** Công ty cổ phần cấp nước Điện Biên là năm thứ 3 hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần. Giấy phép kinh doanh lần 3 ngày 13/10/2016 với tổng số vốn Điều lệ là: 393.201.000.000 đồng bao gồm: Vốn góp của nhà nước là: 390.900.000.000 đồng vốn các cổ đông khác: 2.301.000.000 đồng. Tuy nhiên trong năm gần đây được UBND giao nhiệm vụ tiếp nhận tài sản và bổ sung vốn trong đầu tư xây dựng cơ bản nên số vốn hiện có nhiều hơn vốn Điều lệ. Tổng số lao động bình quân sử dụng trong năm 216 người; Viên chức quản lý: 7 người

- Kiểm tra báo cáo tài chính năm 2018 trên cơ sở Báo cáo TC đã được kiểm toán. Kế thừa số dư đầu năm đã được cơ quan Tài chính kiểm tra. Đơn vị tự chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của các chứng từ do công ty cung cấp cho đoàn.

I. Số liệu cụ thể:

II. BIỂU TÍNH VÀ PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Đơn vị tính: Đồng

STT	Nội dung	Số đơn vị	Số tiền	Chênh lệch
1	Tổng cộng	393.201.000.000	393.201.000.000	-
1.1	Vốn nhà nước	390.900.000.000	390.900.000.000	-
1.2	Vốn cổ đông	2.301.000.000	2.301.000.000	-
2	Lợi nhuận sau thuế	1.195.820.991	1.400.811.777	204.990.786
3	Quỹ lương thực hiện	14.491.000.000	14.270.907.352	(220.092.648)
4	Quỹ lương Ban Điều hành	2.088.000.000	2.088.000.000	-
5	Quỹ K. thưởng,	358.746.297	356.772.684	(1.973.614)
6	Quỹ phúc lợi	478.328.396	475.696.912	(2.631.485)
7	Quỹ Ban Điều Hành	174.000.000	174.000.000	-
8	Lợi nhuận để chia CT	184.746.297	394.342.181	209.595.884
9	Tỷ xuất LN/Vốn	0,0005	0,0010	0
10	Cổ tức phải trả			-
10.1	Cổ tức nhà nước: Số đầu năm	249.954.429	249.954.429	-
	Số Phát sinh phải nộp	183.665.168	392.034.503	208.369.335
	Thuế GTGT đã KT phải nộp NS		958.725.992	958.725.992
	Số đã nộp	249.954.429	249.954.429	-
	Còn phải trả	183.665.168	1.350.760.495	1.167.095.327
10.2	Cổ tức cổ đông - Số đầu kỳ	1.246.258	1.471.336	225.078
	Cổ tức phải trả các cổ đông	1.081.130	2.307.678	1.226.549
	Số đã trả			-
	Còn phải trả	2.327.388	3.779.014	1.451.627

III BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN THỜI ĐIỂM 31/12/2018

TÀI SẢN	MÃ SỐ	SỐ BÁO CÁO	SỐ THẨM ĐỊNH	CHÊNH LỆCH
A- TÀI SẢN NGẮN HẠN (100= 110+120+130+140+)	100	31.483.848.298	28.686.084.298	(2.797.764.000)
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	15.119.234.538	15.119.234.538	-
1. Tiền	111	15.119.234.538	15.119.234.538	-
2. Các khoản tương đương tiền	112			-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130	12.259.772.194	9.462.008.194	(2.797.764.000)
1. Phải thu NH của khách hàng	131	7.585.630.303	7.585.630.303	-
2. Trả trước cho người bán NH	132	3.035.856.908	238.092.908	(2.797.764.000)
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133			-
4. Phải thu theo tiến độ KHHĐXD xây dựng	134			-
5. Các khoản phải thu khác	135	1.638.284.983	1.638.284.983	-
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	139			-
IV. Hàng tồn kho	140	4.104.841.566	4.104.841.566	-
1. Hàng tồn kho	141	4.104.841.566	4.104.841.566	-
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149			-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150	-	-	-
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151			-
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152			-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154			-
4. Tài sản ngắn hạn khác	158			-
B- TÀI SẢN DÀI HẠN (200= 210+220+240+250+260)	200	391.971.175.749	398.233.408.581	6.262.232.832
II. Tài sản cố định	220	387.335.248.692	394.363.360.191	7.028.111.499
1. Tài sản cố định hữu hình	221	387.335.248.692	394.363.360.191	7.028.111.499
- Nguyên giá	222	517.818.663.354	524.868.462.354	7.049.799.000
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223	(130.483.414.662)	(130.505.102.163)	(21.687.501)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	2.103.997.455	1.974.285.455	(129.712.000)
3. chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	2.103.997.455	1.974.285.455	(129.712.000)
VI Tài sản dài hạn khác	260	2.531.929.602	1.895.762.935	(636.166.667)
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	2.531.929.602	1.895.762.935	(636.166.667)
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270= 100+200)		423.455.024.047	426.919.492.879	3.464.468.832

NGUỒN VỐN	MÃ SỐ	SỐ BÁO CÁO	SỐ THẨM ĐỊNH	CHÊNH LỆCH
A. NỢ PHẢI TRẢ (300= 310+330)	300	27.166.748.047	27.202.893.879	36.145.832
I. Nợ ngắn hạn	310	10.682.410.923	10.718.556.755	36.145.832
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	2.272.989.009	2.272.989.009	-
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		3.800.000	3.800.000	
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	927.263.754	978.511.450	51.247.696
4. Phải trả người lao động	314	1.546.420.129	1.546.420.129	-
5. chi phí phải trả ngắn hạn				
9. Phải trả, ngắn hạn khác	319	1.383.310.312	1.593.130.833	209.820.521
10. Vay và nợ thuê tài chính NH	320	2.865.900.000	2.865.900.000	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	1.682.727.719	1.457.805.334	(224.922.385)
II. Nợ dài hạn	330	16.484.337.124	16.484.337.124	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	331	16.484.337.124	16.484.337.124	-
B- VỐN CHỦ SỞ HỮU (400= 410+430)	400	396.288.276.000	399.716.599.000	3.428.323.000
I. Vốn chủ sở hữu	410	396.288.276.000	399.716.599.000	3.428.323.000
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	393.360.800.000	393.201.000.000	(159.800.000)
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a	393.360.800.000	393.360.800.000	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421			
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB		2.927.476.000	6.515.599.000	3.588.123.000
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430			
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440= 300+400)		423.455.024.047	426.919.492.879	3.464.468.832

II. Thuyết minh số liệu:

A. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

1. Kết quả sản xuất kinh doanh

- Giá vốn hàng bán giảm: 256.238.482 đồng do kiểm tra xác định lại việc tài sản đủ điều kiện ghi nhận tài sản nhưng đơn vị hạch toán tăng chi phí trả trước: giảm phần khấu hao do trích chưa đúng quy định: 36.145.834 đồng; chi tiền lương quá đơn giá của bộ phận lắp đặt: 220.092.648 đồng.

Từ nguyên nhân trên dẫn đến tổng lợi nhuận kế toán trước thuế tăng 256.238.482 đồng, thuế thu nhập tăng: 51.247.696 đồng; Lợi nhuận còn lại tăng: 204.990.786 đồng.

2. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước:

+ Thuế thu nhập doanh nghiệp:

- Số đầu kỳ tăng: 27.432.855 đồng do đơn vị điều chỉnh số năm trước vào số phát sinh năm sau:

- Số phát sinh tăng: 23.814.841 đồng do tăng trong năm : 51.247.696 đồng và giảm số năm trước: 27.432.855 đồng

Từ các nguyên nhân trên số thuế phải nộp cuối năm tăng: : 51.247.696 đồng.

3. Tài sản cố định:

3.1 Nguyên giá tài sản cố định:

- Tăng do công trình được Nhà nước giao làm chủ đầu tư đã nghiệm thu khối lượng A-B: theo khoản D Điều 4 Thông tư Số: 45/2013/TT-BTC ngày 25/ 4/ 2013 Thông tư hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định: Giá trị nguyên giá công trình nước sinh hoạt tập trung khu vực Pom lót huyện Điện Biên: 6.355.799.000 đồng.

- Tăng do đơn vị hạch toán trên tài khoản chi phí trả trước (TK 242):

+ Máy bơm ly tâm trục ngang thay thế cho NMN huyện Tủa Chùa: 694.000.000 đồng. Do vậy nguyên giá tài sản cuối năm tăng: 7.049.799.000 đồng

3.2. Giá trị hao mòn tài sản:

Số phát sinh tăng: 21.687.500 đồng Do trích lại TS từ tài khoản 242 chi phí trả trước dài hạn

3.3. Giá trị còn lại của tài sản

Từ các nguyên nhân trên GTCL của Tài sản đến 31/12/2018 là: 394.363.360.191 đồng tăng: 7.028.111.500 đồng.

4. Nguồn vốn, các Quỹ:

Nguồn vốn kinh doanh giảm: 159.800.000 đồng Kiểm tra xác định giảm để tăng nguồn vốn Đầu tư xây dựng cơ bản, hạch toán khi tăng vốn Điều lệ:

Nguồn vốn Đầu tư xây dựng cơ bản: Tăng 3.588.123.000 đồng

Quỹ khen thưởng phúc lợi giảm: 71.269.523 đồng.

Đơn vị đã chủ động phân phối: Quỹ khen thưởng 30%, phúc lợi 40%, Quỹ Ban điều hành 1 tháng lương. Số còn lại được phân phối cho cố tức nhà nước và các cổ đông. Cơ quan Tài chính thống nhất để bảo toàn và phát triển vốn của Nhà nước cũng như

động viên khuyến khích người lao động trong doanh nghiệp thực hiện phân phối các quỹ như sau:

Tổng quỹ khen thưởng phúc lợi:

Số đầu năm tăng: 71.269.523 đ do đơn vị hạch toán tăng số phát sinh trong năm.

Số phát sinh giảm: 75.874.620 đồng Chi tiết giảm số đầu năm 71.263.523 đồng; giảm số trích trong năm: 4.605.098 đồng

Trích Quỹ khen thưởng: 30% của tháng lương thực hiện = 356.772.684 đồng

Trích Quỹ phúc lợi: 40% của tháng lương thực hiện = 475.696.912 đồng

Trích Quỹ Điều hành 1 tháng lương hiện hưởng: = 174.000.000 đồng

Số còn lại được thực hiện chia cổ tức theo tỷ lệ vốn góp của các cổ đông

Cổ tức nhà nước được phân phối là: 392.034.503 đồng tăng 208.369.335 đồng

Nộp ngân sách Nhà nước khoản thuế GTGT đã được hoàn tuy nhiên khoản tiền này đã được Ngân sách nhà nước cấp đầu tư vào dự án. 958.725.992 đồng

Tổng số phải nộp ngân sách: 1.350.760.495 đồng

Cổ tức cổ đông còn phải trả: 3.779.014 đồng

B. Bảng cân đối kế toán:

1. Tổng tài sản tăng: 3.464.468.832 đồng

- Tài sản ngắn hạn giảm: 2.797.764.000 đồng do giảm khoản trả trước cho người bán thực hiện dự án từ nguồn ngân sách cấp kiểm tra đã hạch toán tăng tài sản:

GT khảo sát DN Thanh thế: 381.810.000 đồng

GT XD doanh nghiệp Tùng Lâm: 2.300.000.000 đồng

GT Thẩm định: A & T: 14.083.000 đồng

Giám sát(A & T): 101.871.000 đồng

- Tài sản cố định tăng 7.028.111.499 đồng, do tăng tài sản đã thuyết minh phần kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh.

- Tài sản dài hạn giảm: 129.712.000 đồng chi phí tiền lương của BQL

- Chi phí trả trước dài hạn giảm: 636.166.667 đồng tăng tài sản.

2. Tổng nguồn vốn tăng: 3.464.468.832 đồng:

+ Nợ phải trả (mã số 300) tăng 36.145.852 đồng

- Nợ ngắn hạn tăng: 36.145.852 đồng do:

. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước tăng: 51.247.696 đồng

. Phải trả ngắn hạn khác tăng: 209.820.521 đồng

. Quỹ khen thưởng phúc lợi giảm: 224.922.385 đồng

+ Nguồn vốn chủ sở hữu tăng 3.428.323.000 đồng:

- Nguồn vốn đầu tư của chủ sở hữu giảm: 159.800.000 đồng

- Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản tăng: 3.588.123.000 đồng

Cơ quan Tài chính xác định tăng giảm nguồn vốn này thuộc Ngân sách nhà nước chưa ghi nhận là cổ phần và vốn điều lệ. Thực hiện bán thoái vốn theo tỷ lệ vốn Điều lệ tại Quyết định số 195/QĐ-UBND ngày 11/03/2019 của Ủy Ban nhân dân tỉnh về việc chuyển nhượng một phần vốn nhà nước đầu tư tại công ty cổ phần Cấp nước Điện Biên;

Do vậy tăng giảm giá trị trên là giá trị nghiệm thu A-B và tăng tài sản nguồn vốn, để đơn vị tạm trích khấu hao theo quy định khi tài sản đã sử dụng. Khi quyết toán giữa

chủ đầu tư với cơ quan quản lý Nhà nước, sẽ thực hiện điều chỉnh tăng giảm theo quy định hiện hành.

III. Nhận xét và kiến nghị:

Về thời gian lập và gửi báo cáo tài chính kịp thời gian qui định, sổ sách mở tương đối đầy đủ. Báo cáo tài chính đã được kiểm toán Tuy nhiên đơn vị cần khắc phục một số nội dung sau:

- Việc thực hiện đầu tư, nâng cấp sửa chữa tài sản cần phải thực hiện ngay từ khâu lập kế hoạch, cần thực hiện đúng theo quy định của Luật đầu thầu.
- Thực hiện rà soát vị trí việc làm để giảm lao động, tăng năng suất lao động và tăng thu nhập cho người lao động. Tiết kiệm các khoản chi để tăng lợi nhuận, tăng cổ tức cho Nhà nước và các cổ đông trong năm tới.
- Đề nghị đơn vị thực hiện thu hồi công nợ và các chi ứng trước cho các khách hàng cần thực hiện đúng nguyên tắc và không để số dư tồn quỹ tiền mặt quá lớn. Đây cũng là biện pháp để Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty đạt hiệu quả hơn.
- Đề nghị trước khi đại hội cổ đông. Người đại diện phần vốn nhà nước thực hiện gửi các ý kiến bằng văn bản các nội dung cần biểu quyết trước đại hội về chủ sở hữu và cơ quan tài chính để xin ý kiến trước khi người đại diện biểu quyết theo đúng quy định hiện hành.
- Đề nghị kiểm soát viên do chủ sở hữu bổ nhiệm thực hiện xây dựng kế hoạch làm việc tại công ty và thực hiện gửi báo cáo tới chủ sở hữu và cơ quan tài chính theo quy định hiện hành.

Đơn vị tự chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực tính hợp pháp của chứng từ kế toán trước cơ quan Pháp luật.

Thực hiện điều chỉnh sổ sách theo biên bản của đoàn kiểm tra tại thời điểm biên bản kiểm tra được thống nhất giữa các bên.

* ý kiến của đơn vị:

Nhất trí với các nội dung của đoàn kiểm tra

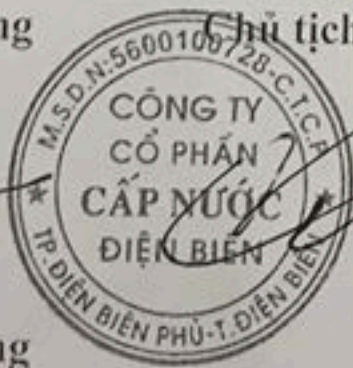
Biên bản được thông qua vào hồi 16 h 30' cùng ngày được lập thành 4 bản có giá trị pháp lý như nhau./.

CHỨNG THỰC
BẢN SAO DÙNG VỚI BẢN CHÍNH

CÔNG TY CP CẤP NƯỚC ĐIỆN BIÊN
Kế toán trưởng Ngày: 29-10-2013 ĐẠI DIỆN SỞ TÀI CHÍNH
Chủ tịch HĐQT Trưởng phòng TC doanh nghiệp

Số CT: 23. Quyền số 1....SCT/BS

Nguyễn Hữu Hùng



Nguyễn Lê Quốc



CÔNG CHỨNG VIÊN
Nguyễn Việt Hùng

dụng
tu